

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1087/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Đặng Thị Thanh Tâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: 338/18 A, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Ngọc M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 647/18/2/16 Q, phường H, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P trình bày: ông và bà Nguyễn Thụy Ngọc M tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2007, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận TB và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/5/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng đầu năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bà M đã bỏ nhà đi và sống tại địa chỉ 647/18/2/16 Q, phường H, quận TĐ từ đó đến nay, thỉnh thoảng mới liên lạc thăm con. Ông P cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu

thuần chính là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng chênh lệch tuổi, có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Ông nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà M;

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày: 01/5/2012, ông P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông P xác định không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc M đã được Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để viết bản tự khai nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án do đó không có lời khai của bị đơn. Thực hiện đúng thủ tục tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú, niêm yết hợp lệ theo quy định, tiến hành đưa vụ án ra xét xử, đã triệu tập hợp lệ bị đơn hai lần mà bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc P với bà Nguyễn Thụy Ngọc M là tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự có mặt của đương sự:

Bị đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần mà bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về các yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu được ly hôn.

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 80 quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường X, quận TB cấp ngày 25/5/2007, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông P với bà M là hôn nhân hợp pháp. Ông P cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do tính tình vợ chồng không hòa hợp

có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Xét yêu cầu của nguyên đơn xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên đơn cố gắng hàn gắn, khuyên nhủ nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn và tại văn bản số 44/VHTT ngày 22/4/2018 của Phòng văn hóa và thông tin thuộc Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức thì ông P và bà M có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận TB. Hai người có con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh năm 2012, hiện đang học trường mầm non H thuộc phường H, quận TĐ, ông P là người trực tiếp chăm sóc con. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp, ông P làm nghề tự do, bà M bán hàng ở hội chợ nên thường xuyên xa nhà. Ủy ban nhân dân phường H chưa tiếp nhận và xử lý nội dung liên quan đến bạo lực gia đình đối với trường hợp ông P, bà M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hòa giải để hai bên đoàn tụ, nhưng bị đơn vắng mặt, thể hiện bị đơn không có thiện chí đoàn tụ. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Đối với yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng:

Lời khai của ông P và bản sao giấy khai sinh đã thể hiện ông P và bà M có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày: 01/5/2012. Hội đồng xét xử thấy rằng con chung hiện đang sống ổn định với ông P, bà M không đến Tòa án, không có nguyện vọng được nuôi con do đó cần phải duy trì sự ổn định về mọi mặt của con và cũng tạo điều kiện cho con phát triển và vì lợi ích của con nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông P không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con: Đây là sự tự nguyện của ông P và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông P xác định không có.

Đối với bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

-Về hôn nhân: ông Nguyễn Ngọc P được ly hôn với bà Nguyễn Thụy Ngọc M.

-Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày: 01/5/2012 cho ông Nguyễn Ngọc P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc P về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thụy Ngọc M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: ông P xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông P xác nhận không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc P phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0038256 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, ông P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy

